

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GOODBOOK**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GOODBOOK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GOODBOOK EDUCATION AND TRAINING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GOODBOOK., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109044397

**3. Ngày thành lập:** 30/12/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 2C Cầu Giấy, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0886335555

Fax:

Email: [goodbook.edu@gmail.com](mailto:goodbook.edu@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1701     |
| 2.  | Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1702     |
| 3.  | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất giấy viết, giấy in;<br>- Sản xuất sổ sách, sổ kế toán, bìa rời, an-bum và các đồ dùng văn phòng phẩm tương tự dùng trong giáo dục và thương mại;<br>- Sản xuất hộp, túi, túi dệt, giấy tóm tắt bao gồm sự phân loại đồ dùng văn | 1709     |
| 4.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1811     |
| 5.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1812     |
| 6.  | Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3230     |
| 7.  | Sản xuất đồ chơi, trò chơi                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3240     |
| 8.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                    | 4610     |
| 9.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hoa và cây                                                                                                                                                                                                                | 4620     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn rau, quả;<br>- Bán buôn cà phê;<br>- Bán buôn chè;<br>- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;<br>- Bán buôn thực phẩm khác.        | 4632 |
| 11. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                 | 4633 |
| 12. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hàng may mặc                                                                                                                                                                     | 4641 |
| 13. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; | 4649 |
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;                                                                                                                          | 4659 |
| 15. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                | 4690 |
| 16. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                             | 4711 |
| 17. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                                                                                               | 4719 |
| 18. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                | 4721 |
| 19. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                   | 4723 |
| 20. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                          | 4759 |
| 21. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                         | 4761 |
| 22. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                       | 4762 |
| 23. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                       | 4763 |
| 24. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                         | 4764 |
| 25. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                 | 4771 |
| 26. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                           | 4772 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 27. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh. | 4773        |
| 28. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng;<br>- Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng).                                                                                                                                                                                                                                                              | 4933        |
| 29. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết:<br>- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)<br>- Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;                                                                                                                                                                                                             | 5610        |
| 30. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5630        |
| 31. | Xuất bản sách                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5811        |
| 32. | Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5813        |
| 33. | Hoạt động xuất bản khác<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động xuất bản trực tuyến khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5819        |
| 34. | Xuất bản phần mềm<br>(Không bao gồm hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5820        |
| 35. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5911        |
| 36. | Hoạt động phát thanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6010        |
| 37. | Hoạt động truyền hình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6021        |
| 38. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7721        |
| 39. | Cho thuê băng, đĩa video                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7722        |
| 40. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8219        |
| 41. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8230        |
| 42. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;                                                          | 8559(Chính) |

|     |                                                                                                             |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 43. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn giáo dục;<br>- Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục | 8560 |
| 44. | Hoạt động thư viện và lưu trữ                                                                               | 9101 |

**6. Vốn điều lệ:** 11.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY CỔ PHẦN NHÔM KÍNH MIPEC | 229 Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông         | 600.000    | 6.000.000.000         | 54,545    | 0108753263                                                                                  |         |
|     |                                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                 |                                                                                      | Tổng số                   | 600.000    | 6.000.000.000         | 54,545    |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                               |                           |         |               |        |           |  |
|---|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|-----------|--|
| 2 | NGÔ NGỌC TÚ     | Thôn Hương Mạc, Xã Hương Mạc, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông         | 150.000 | 1.500.000.000 | 13,636 | 125778511 |  |
|   |                 |                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                 |                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                 |                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                 |                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                 |                                                                               | Tổng số                   | 150.000 | 1.500.000.000 | 13,636 |           |  |
|   |                 |                                                                               |                           |         |               |        |           |  |
| 3 | NGUYỄN HẢI ĐĂNG | 31/17 Biệt Thự, Phường Tân Lập, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 350.000 | 3.500.000.000 | 31,818 | 225035355 |  |
|   |                 |                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                 |                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                 |                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                 |                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                 |                                                                               | Tổng số                   | 350.000 | 3.500.000.000 | 31,818 |           |  |
|   |                 |                                                                               |                           |         |               |        |           |  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN THỊ TRANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc*

Sinh ngày: 07/09/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 036186000869

Ngày cấp: 26/10/2015

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Thượng, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 23 ngõ 686 đường Kim Giang, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội